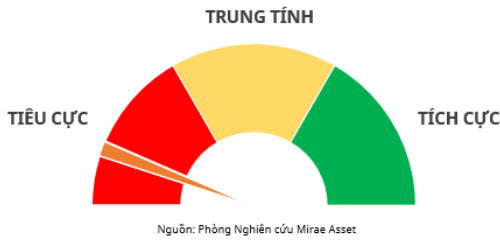


Thang đo sức mạnh thị trường



29 Tháng Một 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,056.61	-9.44	-3.90	6.57
HNX	214.21	-10.79	8.68	101.56
UPCOM	72.08	-7.11	-2.37	28.21
MSCI EM	1,350.59	-3.03	6.62	23.06
NIKKEI	27,663.39	-3.38	0.35	18.32
HANG SENG	28,283.71	-3.95	6.46	4.13
KOSPI	2,976.21	-5.24	5.52	36.19
FTSE	6,468.12	-3.39	-2.04	-13.57
S&P 500	3,787.38	-1.70	1.62	15.70
NASDAQ	13,337.16	-1.43	3.79	43.79

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.86	2.23	13.31
SET INDEX	26.02	1.64	5.65
JCI INDEX	27.38	1.54	4.63
PCOMP INDEX	26.33	1.64	6.50

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-200
5 năm	1.15	13	3	-66
10 năm	2.29	12	-6	-77

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,049	0.11	0.29	0.53
US\$/KRW	1,119	-1.39	-2.38	5.23
US\$/JPY	105	-0.94	-1.14	4.06
US\$/EUR	0.83	0.54	1.18	-9.06
US\$/GBP	0.73	0.04	-1.28	-4.82
US\$/SGD	1.33	-0.14	-0.23	2.27

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	671	644	264
HNX	72	87	32
UPCOM	41	39	16

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Tin xấu dồn dập xuất hiện, VN-Index rơi về mức 1.000 điểm

VN-Index ghi nhận tuần giảm điểm mạnh nhất trong nhiều năm qua với mức giảm 110,17 điểm (-9,4%) với 4 phiên giảm và 1 phiên tăng. Trong tuần chỉ số ghi nhận phiên giảm điểm lớn nhất lịch sử tại ngày 28/01 khi trong đón nhận nhiều thông tin xấu như: (1) Việt Nam xuất hiện ổ dịch lớn nhất từ trước đến nay; (2) Chứng khoán Mỹ giảm gần 3% và (3) Áp lực “bán cưỡng bức” (Forced sell) sau nhiều phiên giảm liên tục. Áp lực “bán cưỡng bức” có thể vẫn tiếp tục trong phiên 29/01 kéo VN-Index có lúc giảm dưới mốc 1.000 điểm trong phiên cuối tuần và tại ngưỡng này VN-Index đã hồi phục mạnh và chốt tuần tại 1.056,61.

Bluechips trở thành “tội đồ” của thị trường trong tuần khi lần lượt VCB, GVR và CTG tác động tổng cộng -25 điểm cho VN-Index, trong đó GVR ghi nhận mức giảm mạnh với gần 24% so với mức giá đóng cửa cuối tuần trước. CTG là mã giảm mạnh thứ 2 trong top 10 với mức giảm 18,88%, cổ phiếu này ảnh hưởng -5,75 đến VN-Index và xếp thứ 4. Bên chiều tăng điểm, các cổ phiếu midcaps và penny đã vượt lên có tên trong top 10 như SJS, HPX, SZC, FLC, SGT....

Khối ngoại đã trở lại mua ròng 1.246,98 tỷ đồng trong tuần, đà mua ròng của khối này tăng mạnh trong 2 phiên cuối tuần với giá trị mua ròng lần lượt 494,82 tỷ đồng và 1,141 tỷ đồng. MWG dẫn đầu danh sách mua ròng với giá trị mua ròng 840 tỷ đồng, đây là giao dịch đến từ phiên hờ room ngoại do cổ phần ESOP của công ty được niêm yết. VHM là mã xếp thứ 2 với giá trị mua ròng 250 tỷ đồng. Bên phía bán ròng, HPG dẫn đầu danh sách bán ròng với giá trị 561 tỷ đồng.

Giảm điểm trong 2 tuần liên tiếp, VN-Index có lúc đã mất hơn 200 điểm (-16,7%) và về mốc 1.000. Việc giảm nhanh có lẽ là nguyên nhân chính giúp chỉ số có phiên hồi phục tốt vào cuối tuần, chúng tôi đánh giá diễn biến phiên 29/01 mang nhiều tính chất của hồi phục kỹ thuật.. Khả năng VN-Index sẽ vẫn có nhịp giảm điểm trong những phiên đầu tuần sau. Vùng đi ngang năm 2019 (930 – 1.020) được kỳ vọng là hỗ trợ cho chỉ số trong nhịp giảm này Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức -6 (TIÊU CỰC)

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, Phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-6	TIÊU CỰC
VN30	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	-7	TIÊU CỰC
Kospi	-7	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-7	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-7	TIÊU CỰC
Dow Jones	-4	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thị trường trái phiếu:

- **Thị trường trái phiếu:** Trong tuần, KBNN đã huy động được 7.500 tỷ đồng/ 10.000 tỷ đồng TPCP bao gồm 8.000 tỷ đồng phát hành lần đầu và 2.000 tỷ đồng phát hành bổ sung. Tỷ lệ chào mua/ gọi thầu đạt 2,1 lần. So với kỳ đấu giá trước, lợi suất trúng thầu các kỳ hạn 5 năm và 15 năm giữ nguyên tại mức 1,07% và 2,38%, trong khi đó kỳ hạn 10 năm và 30 năm đã tăng lên các mức lần lượt 2,17% (+2bps) và 3,01% (+1bps).
- Trong tháng 1, KBNN đã phát hành thành công 23.500 tỷ đồng, tỷ lệ thành công 90,4% tổng lượng phát hành. Trong đó kỳ hạn 10 năm và 15 năm chiếm tỷ trọng lần lượt 37,7% và 35,2% tổng lượng phát hành thành công. Nhìn chung nhu cầu thị trường vẫn ở mức cao, tăng lên 3 lần từ mức 2,8 lần của tháng 12/2020. Lợi suất trúng thầu các kỳ hạn 5 năm, 10 năm, 15 năm và 30 năm tiếp tục giảm so với tháng trước cụ thể như sau: Kỳ hạn 5 năm giảm 15bps về mức 1,07%, kỳ hạn 10 năm giảm 11bps về mức 2,17%, kỳ hạn 15 năm giảm 12bps về mức 2,38% và kỳ hạn 30 năm giảm 13bps về mức 3,01%. Duy nhất kỳ hạn 20 năm có lợi suất trúng thầu đ ingang mức 2,89%
- Tuần sau, ngày 03/02 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 6.000 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 3.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng và (3) Kỳ hạn 20 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng.
- Trong quý 1/2020 KBNN dự kiến huy động 100 nghìn tỷ đồng bao gồm 5.000 tỷ đồng kỳ hạn 5 năm, 5.000 tỷ đồng kỳ hạn 7 năm, 35.000 tỷ đồng kỳ hạn 10 năm, 35.000 tỷ đồng kỳ hạn 15 năm, 10.000 tỷ đồng kỳ hạn 20 năm và 10.000 tỷ đồng kỳ hạn 30 năm.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Tại ngày 27/01/21, lãi suất kỳ hạn O/N và 1 tuần cùng tăng 1 bps lên mức 0,11% và 0,21%. Trong khi kỳ hạn 2 tuần đã giảm 3bps về 0,2%. Tại các kỳ hạn dài hơn, kỳ hạn 1 tháng, 3 tháng và 6 tháng đã lần lượt tăng 32bps, 25bps và 66bps lên các mức 0,75%, 1,65%, 3,35%.
- **Tỷ giá VND/USD tham chiếu 29/01/21** của NHNN trong tuần đã tăng 0,1% lên mức 23.160 VND/USD. Tỷ giá NHTM trong năm đã giảm 0,065% về mức 22.940 – 23.150 VND/USD. Diễn biến tại thị trường tự do đã tăng lần lượt 0,085% tại chiều mua và 0,556% tại chiều bán lên mức 23.500 – 23.540 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-6	TIÊU CỰC
VN30	-6	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-5	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-5	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (08/01/2021)	1.056,61 (+3,19% WoW)	Kháng cự 1 1.080
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2 1.175
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Giảm	Hỗ trợ 1 1.020
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 930

Xu hướng giảm điểm của VN-Index đang áp đảo, chúng tôi kỳ vọng vùng cân bằng trong năm 2019 (930 – 1.020) sẽ là vùng hỗ trợ cho chỉ số trong nhịp giảm này Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn đang ở mức -6 (**TIÊU CỰC**).

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

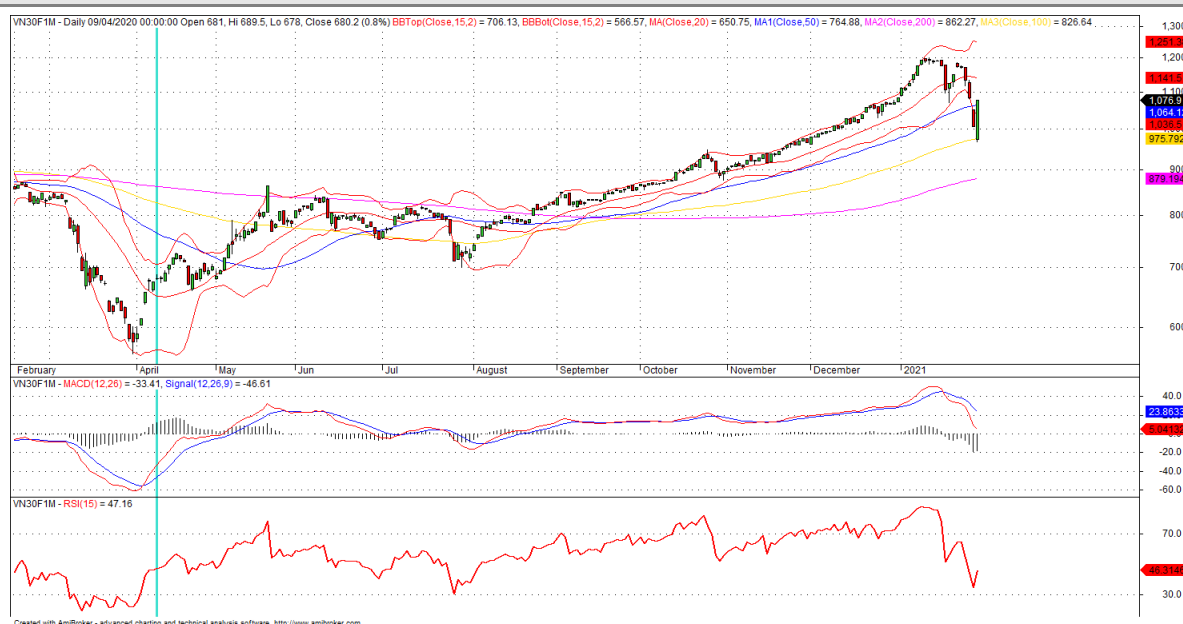
Nhận định phái sinh

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	7	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-6	TIÊU CỰC

- Trong tuần qua, hợp đồng phái sinh tháng 2 có nhiều biến động mạnh lên đến hơn 70 điểm trong phiên.
- Với diễn biến biến động mạnh của thị trường trong những phiên gần đây và tâm lý khi thị trường Việt Nam sẽ đón một kỳ nghỉ lễ dài sắp tới điều đó mang lại rủi ro lớn cho nhà đầu tư. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị không nên mở vị thế mới trong giai đoạn này.

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	n/a
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	n/a

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fiinpro

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
HPG	39.15	23,743,504	-6	TIÊU CỰC	129,715	12.1	2.4
STB	16.9	35,745,000	-6	TIÊU CỰC	30,482	11.4	1.1
TCB	32	17,660,564	-6	TIÊU CỰC	112,157	9.1	1.5
MBB	23.45	21,086,516	-6	TIÊU CỰC	65,631	7.9	1.4
SHB	14.6	33,091,504	-6	TIÊU CỰC	25,628	8.8	1.1
NVL	80.2	5,145,620	0	TRUNG TÍNH	85,329	13.9	3.2
SSI	28.8	13,479,775	-6	TIÊU CỰC	17,252	15.7	1.8
KBC	37.1	10,157,385	-4	TIÊU CỰC	17,311	41.9	1.8
CTG	30.5	10,537,035	-6	TIÊU CỰC	113,564	10.3	1.4
VNM	102.8	3,090,845	-4	TIÊU CỰC	214,816	21.5	7.3
VHM	93.5	3,019,600	-6	TIÊU CỰC	307,570	13.6	4.1
ACB	26.8	10,446,780	-6	TIÊU CỰC	57,930	7.5	1.6
VRE	32.05	7,698,235	-6	TIÊU CỰC	72,828	32.0	2.6
DXG	19.6	11,445,700	0	TRUNG TÍNH	10,158	#N/A N/A	1.6
TCH	21.95	10,016,160	-6	TIÊU CỰC	7,754	7.6	1.5
MSN	85.5	2,534,555	-6	TIÊU CỰC	100,435	41.4	4.9
PVD	17.7	12,179,945	-6	TIÊU CỰC	7,454	30.4	0.5
HSG	23.35	9,150,060	-6	TIÊU CỰC	10,374	9.3	1.6
PDR	55.8	3,593,605	-2	TRUNG TÍNH	22,106	18.4	4.3
PVS	16.6	11,811,065	-6	TIÊU CỰC	7,934	10.2	0.6
MWG	132.7	1,428,185	-2	TRUNG TÍNH	61,935	15.6	3.9
VPB	30	6,069,385	-6	TIÊU CỰC	73,642	7.0	1.4
LPB	12.65	14,225,350	-6	TIÊU CỰC	13,594	7.3	1.0
FLC	6.19	28,655,520	0	TRUNG TÍNH	4,395	#N/A N/A	0.6
IDC	35.2	4,836,540	-6	TIÊU CỰC	10,560	45.6	3.0
GEX	20	8,300,595	-6	TIÊU CỰC	9,639	13.9	1.5
DBC	47.65	3,448,685	-4	TIÊU CỰC	4,992	3.5	1.2
HCM	26.9	6,036,635	-6	TIÊU CỰC	8,206	15.5	1.8
GVR	24.4	6,503,200	-7	TIÊU CỰC	97,600	32.2	2.2
FPT	62.7	2,525,515	-6	TIÊU CỰC	49,151	15.2	3.1
POW	11.9	13,043,270	-7	TIÊU CỰC	27,868	17.5	1.0
HBC	16.9	8,694,770	-2	TRUNG TÍNH	3,902	15.7	1.1
VND	23.45	5,902,120	-4	TIÊU CỰC	4,890	8.3	1.4
SHS	22.4	6,049,765	-4	TIÊU CỰC	4,643	6.2	1.4
DIG	26.85	4,913,365	-6	TIÊU CỰC	8,456	19.5	2.1
HDB	22.3	5,767,415	-6	TIÊU CỰC	35,541	8.4	1.5
VIC	99.4	1,280,975	-2	TRUNG TÍNH	336,214	37.4	3.9
ITA	6.42	19,517,964	-7	TIÊU CỰC	6,024	31.1	0.6
ROS	4.48	27,953,800	0	TRUNG TÍNH	2,543	#N/A N/A	0.4
GMD	29.8	4,190,605	-6	TIÊU CỰC	8,981	25.3	1.5
HNG	11.2	10,451,645	-4	TIÊU CỰC	12,416	#N/A N/A	1.5
PVT	16	7,009,375	-4	TIÊU CỰC	5,178	8.2	1.1
VCB	93	1,133,525	-6	TIÊU CỰC	344,926	18.7	3.5
CTD	74	1,368,350	-6	TIÊU CỰC	5,646	9.9	0.7
BSR	9.6	10,119,785	-6	TIÊU CỰC	29,765	10.7	0.9
SBT	18	5,156,315	-7	TIÊU CỰC	11,109	25.6	1.5
TPB	24.95	3,700,120	-4	TIÊU CỰC	25,740	7.1	1.5
FIT	14.2	6,478,270	-7	TIÊU CỰC	3,617	39.3	1.2
VJC	125.8	694,900	-6	TIÊU CỰC	65,899	#N/A N/A	4.7
ASM	17.05	5,073,655	-3	TRUNG TÍNH	4,414	7.7	1.0
GAS	76.3	1,132,215	-6	TIÊU CỰC	146,034	16.1	3.1
BID	39.9	2,135,385	-4	TIÊU CỰC	160,479	18.8	2.1

HAG	4.83	17,616,224	-6	TIÊU CỰC	4,479	#N/A N/A	0.4
VIX	22.95	3,600,710	-6	TIÊU CỰC	2,931	13.9	1.8
VCI	49	1,634,365	-7	TIÊU CỰC	8,114	10.5	1.8
NKG	15.5	5,138,520	-4	TIÊU CỰC	2,666	9.1	0.8
HDG	37.85	1,999,285	-6	TIÊU CỰC	5,839	5.9	2.0
LDG	7.21	10,266,690	-7	TIÊU CỰC	1,726	144.2	0.6
TNG	19.4	3,758,865	-4	TIÊU CỰC	1,436	9.2	1.2
PHR	58.4	1,202,090	-6	TIÊU CỰC	7,913	7.6	2.5
NVB	12.9	5,413,325	-5	TIÊU CỰC	5,248	4,329.9	1.2
GTN	22.8	3,025,200	-4	TIÊU CỰC	5,677	#N/A N/A	2.2
LCG	12.9	5,313,455	-6	TIÊU CỰC	1,487	4.8	0.9
VHC	38	1,788,420	-6	TIÊU CỰC	6,914	9.8	1.3
VPI	34.3	1,869,335	-2	TRUNG TÍNH	6,860	12.4	2.7
BVH	56.5	1,110,015	-4	TIÊU CỰC	41,941	32.6	2.1
CII	20.85	2,908,700	-6	TIÊU CỰC	4,980	182.7	1.0
SZC	42	1,439,045	2	TRUNG TÍNH	4,200	22.6	3.3
NLG	32.5	1,826,380	-4	TIÊU CỰC	8,946	10.9	1.5
PNJ	83.1	693,800	-4	TIÊU CỰC	18,900	17.6	3.6
HUT	4.6	12,201,275	-6	TIÊU CỰC	1,236	#N/A N/A	0.4
HQC	2.25	24,214,730	-7	TIÊU CỰC	1,072	57.9	0.2
FRT	26.2	1,993,375	-7	TIÊU CỰC	2,069	#N/A N/A	1.7
CEO	9.8	5,236,660	-6	TIÊU CỰC	2,522	53.2	0.9
CTR	78.8	647,865	-6	TIÊU CỰC	5,656	30.7	6.3
PLX	49	1,041,095	-4	TIÊU CỰC	59,722	71.9	2.9
DCM	12.75	3,973,215	-6	TIÊU CỰC	6,750	14.9	1.0
DRC	26	1,941,675	0	TRUNG TÍNH	3,089	12.0	1.8
SCR	8.1	6,226,370	-6	TIÊU CỰC	2,967	48.9	0.6
KDH	31.9	1,521,040	-4	TIÊU CỰC	17,826	15.4	2.3
AAA	13.1	3,649,485	-6	TIÊU CỰC	2,905	9.3	0.8
DPM	15.85	2,996,160	-6	TIÊU CỰC	6,203	9.1	0.8
MBS	17.4	2,466,135	-6	TIÊU CỰC	2,859	10.6	1.4
PET	14.8	2,886,055	-4	TIÊU CỰC	1,237	9.4	0.8
KDC	39.2	1,084,625	-4	TIÊU CỰC	8,967	39.3	1.6
HDC	35.55	1,188,560	-6	TIÊU CỰC	2,342	10.2	2.1
DGC	49.7	845,460	-6	TIÊU CỰC	7,394	8.7	1.9
KSB	26.5	1,557,830	-4	TIÊU CỰC	1,766	6.3	1.1
TCM	82	496,385	-2	TRUNG TÍNH	5,081	21.7	3.1
PAN	25.5	1,590,260	-7	TIÊU CỰC	5,327	29.6	1.5
HVN	25.85	1,523,495	-6	TIÊU CỰC	36,663	#N/A N/A	5.4
IJC	23.05	1,702,490	-6	TIÊU CỰC	5,004	13.8	1.7
VCG	47.1	819,740	-2	TRUNG TÍNH	20,805	12.9	2.6
REE	51	723,230	-6	TIÊU CỰC	15,762	11.1	1.5
FCN	11.3	3,216,845	-6	TIÊU CỰC	1,400	11.2	0.6
HHS	5.64	6,366,865	-6	TIÊU CỰC	1,550	4.4	0.4
VGT	16.1	2,204,735	-3	TRUNG TÍNH	8,050	18.2	1.3
MSR	18.9	1,853,275	-6	TIÊU CỰC	20,774	53.1	1.5
ART	4.7	7,433,770	-5	TIÊU CỰC	456	#N/A N/A	0.4
TDH	7.67	4,466,605	-6	TIÊU CỰC	864	11.6	0.5

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Đảng Dân chủ sẽ xem xét gói giải cứu 1.900 tỷ USD vào tuần tới

Lãnh đạo phe đa số Thượng viện Chuck Schumer cho biết Thượng viện sẽ bắt đầu thảo luận về gói giải cứu COVID-19 quy mô lớn của ông Biden vào đầu tuần tới, trong khi Chủ tịch Hạ viện Nancy Pelosi dự đoán Quốc hội sẽ hoàn thành các bước sơ bộ quan trọng trước cuối tuần sau.

Động thái trên cho thấy Đảng Dân chủ đang muốn sử dụng quyền kiểm soát Thượng viện mới để giúp Tổng thống Biden nhanh chóng hoàn thành ưu tiên chính sách đầu tiên của ông trước khi Thượng viện chuyển sang phiên tòa luận tội cựu Tổng thống Trump vào ngày 8/2.

Đầu tháng 1, ông Biden đã công bố một kế hoạch kích thích tài khóa trị giá 1.900 tỷ USD để hỗ trợ người lao động trong đại dịch COVID-19. Tuy nhiên, các nghị sĩ Đảng Cộng hòa và một số từ Đảng Dân chủ không chấp nhận đề xuất quá lớn này. Năm ngoái, chính quyền ông Trump đã chi hơn 4.000 tỷ USD cứu trợ.

Dù vậy, các nhà lập pháp cho biết lưỡng đảng vẫn đang tiếp tục đàm phán về gói giải cứu của ông Biden.

Apple, Samsung, Facebook đồng loạt ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng quý cuối năm

Mới đây, hãng công nghệ Apple đã chính thức công bố doanh thu quý I/2021 đạt 111,4 tỷ USD. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Apple vượt qua mốc 100 tỷ USD trong quý, đồng thời doanh số bán hàng đã tăng 21% so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo CNBC, kết quả trên có được không chỉ nhờ doanh số bán iPhone 5G khả quan trong quý mà mọi danh mục sản phẩm đều tăng trưởng hai con số.

Doanh thu mảng iPhone đạt 65,60 tỷ USD (tăng 17% so với cùng kỳ năm ngoái), mảng dịch vụ đạt 15,76 tỷ USD (tăng 24%).

Bên cạnh đó, doanh thu từ các sản phẩm khác đạt 12,97 tỷ USD (tăng 29%); từ Macbook đạt 8,68 tỷ USD (tăng 21%); và iPad 8,44 tỷ USD (tăng 41%). Tỷ suất lợi nhuận gộp của Apple đạt 39,8%, nhiều hơn so với 38% theo ước tính của Refinitiv.

Quỹ Đài Loan liên tục gom VFMVN Diamond ETF

CTBC Vietnam Equity Fund – một quỹ đầu tư từ Đài Loan (Trung Quốc) vừa đăng ký mua 3 triệu chứng chỉ quỹ VFMVN Diamond ETF (HoSE: FUEVFNVD) trong thời gian từ 1/2 đến 1/3. Với mức NAV/ccq gần 17.789 đồng, dự kiến quỹ ngoại phải chi ra khoảng 53 tỷ đồng.

Quỹ đầu tư đến từ Đài Loan liên tục gom thêm chứng chỉ quỹ này từ tháng 9/2020 đến nay. Mới nhất tổ chức này đã mua thêm 3 triệu đơn vị để nâng tổng sở hữu lên 30 triệu chứng chỉ quỹ ETF, tỷ lệ 8,15% trên khối lượng đang lưu hành tại 26/1.

VFMVN Diamond ETF đang trở thành quỹ đầu tư hút vốn hàng đầu TTCK Việt Nam. Tính tới hết phiên giao dịch 28/1/2021, VFMVN Diamond ETF có 383,4 triệu chứng chỉ quỹ, quy mô đạt gần 6.400 tỷ đồng và là quỹ nội lớn thứ 2 thị trường chỉ sau VFMVN30 ETF.

Nhờ danh mục đầu tư hướng đến các cổ phiếu đang kín room ngoại (tỷ lệ sở hữu nước ngoài), VFMVN Diamond thu hút sự quan tâm lớn của nhà đầu tư ngoại. Ngoài quỹ từ Đài Loan, PYN Elite Fund (Phần Lan) cũng liên tục gom ETF này và đưa vào top 10 khoản đầu tư lớn nhất.

Thứ trưởng Bộ Y tế: Tốc độ lây lan của biến thể SARS-CoV-2 tăng hơn 70%

Liên quan đến ổ dịch Covid-19 lớn nhất từ đầu năm đến nay được ghi nhận ở tỉnh Hải Dương, PGS-TS Nguyễn Trường Sơn, Thứ trưởng Bộ Y tế, cho biết chắc chắn phải làm xét nghiệm trên diện rộng, nhanh, quyết liệt cho khu vực Hải Dương, công dân các tỉnh thành từ Hải Dương, từ sân bay Vân Đồn về và những người có liên quan đến TP Chí Linh (Hải Dương).

"Các địa phương phải kích hoạt hết. Trung tâm Y tế Chí Linh đã sơ tán hết bệnh nhân và sẽ tiếp nhận hơn 80 ca mắc Covid-19 về điều trị. Bộ Y tế đang xin ý kiến Thủ tướng về xây dựng bệnh viện dã chiến tại Hải Dương"- ông Nguyễn Trường Sơn nói.

Thứ trưởng Bộ Y tế cũng chia sẻ, mặc dù được xác định là ổ dịch lớn nhất từ trước đến nay, nhưng tính chủ động của các địa phương và ngành y tế đã tốt hơn rất nhiều. Các lực lượng đã được tập trung, từ hệ thống điều trị, xét nghiệm, giám sát dịch tễ...

Bộ Y tế đã có 4 đoàn công tác hỗ trợ Hải Dương. Phụ trách điều trị giao cho Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương hỗ trợ.

Vinhomes lãi 27.839 tỷ đồng năm 2020, tăng 28% cùng kỳ

Vinhomes (HoSE: VHM) công bố báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 với doanh thu thuần đạt 70.890 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ năm trước. Riêng quý IV, doanh thu thuần hợp nhất đạt 21.512 tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ chủ yếu do công ty bước vào thời kỳ bàn giao lớn với các sản phẩm chủ yếu của 4 dự án Vinhomes Ocean Park, Vinhomes Grand Park, Vinhomes Smart City và Vinhomes Symphony.

Tổng doanh thu thuần hợp nhất quy đổi ghi nhận trong năm 2020 bao gồm doanh thu từ các hoạt động của Vinhomes, các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) và hoạt động bán buôn được ghi nhận như một khoản thu nhập tài chính đạt 98.089 tỷ đồng, tăng 43%.

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế năm 2020 đạt 37.047 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ đạt 27.839 tỷ đồng, tăng lần lượt 25% và 28% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận trong quý IV đạt 14.847 tỷ đồng, tăng 98% so với quý III/2020 nhờ tăng trưởng bàn giao bán lẻ và bán buôn. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) trong năm 2020 đạt 8.463 đồng, tăng 30%.

Tại ngày 31/12/2020, tổng tài sản Vinhomes đạt 214.937 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt 89.685 tỷ đồng, tăng lần lượt 9% và 39% so với đầu năm.

Lợi nhuận Vincom Retail quý IV đạt 978 tỷ đồng, tăng 11%

Công ty Cổ phần Vincom Retail (HoSE: VRE) công bố BCTC hợp nhất quý IV/2020 theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS). Doanh nghiệp tiếp tục ghi nhận sự phục hồi trong hoạt động kinh doanh nhờ Việt Nam kiểm soát tốt dịch Covid-19 và duy trì mức tăng trưởng dương.

Cụ thể, tổng doanh thu thuần hợp nhất của Vincom Retail trong quý IV đạt 3.253 tỷ đồng, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm 2019 và tăng 84,8% so với quý trước. Trong đó, hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư vẫn tiếp tục duy trì đà phục hồi từ quý III với doanh thu đạt 1.645 tỷ đồng, tăng 2,3% so với quý trước. Doanh thu từ mảng chuyển nhượng bất động sản đạt 1.547 tỷ đồng, tăng 1.347,7% so với quý trước, chủ yếu đến từ việc bàn giao 2 dự án nhà phố thương mại lớn là Mỹ Tho và Bạc Liêu. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 978 tỷ đồng, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm trước và tăng 70,8% so với quý trước.

Tính chung cả năm 2020, Vincom Retail ghi nhận tổng doanh thu thuần hợp nhất 8.329 tỷ đồng, bằng 90% so với năm 2019. Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đạt 6.008 tỷ đồng, tương đương 85,6% so với năm trước. Trong đó, doanh thu chuyển nhượng bất động sản đạt 2.149 tỷ đồng, tăng 6% so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế cả năm đạt 2.386 tỷ đồng, tương đương 83,6% của năm 2019.

Bộ Công an yêu cầu Ocean Group tạm dừng mọi biến động với cổ phiếu OCH

Tập đoàn Đại Dương (Ocean Group, HoSE: OGC) thông báo nhận được công văn của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ Công an về việc tạm dừng biến động tài sản phục vụ công tác điều tra, xác minh.

Theo đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đề nghị Ocean Group quan tâm, phối hợp tạm dừng mọi biến động đối với cổ phiếu Công ty cổ phần khách sạn và dịch vụ OCH (Ocean Hospitality, HNX: OCH) do đơn vị nắm giữ đến khi có ý kiến của cơ quan chức năng.

Vào tháng 9/2020, HĐQT Ocean Group đã ra quyết định chuyển nhượng 20 triệu cổ phiếu, tương đương 10% vốn Ocean Hospitality để tạo nguồn tiền thanh toán công nợ và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên, phương án của HĐQT bị vấp phải sự phản đối của các cổ đông. Nhóm cổ đông gồm 3 cá nhân là bà Lê Thị Quỳnh Trang (nắm 4,82% vốn), ông Trương Quốc Bình (4,56% vốn) và ông Chu Duy Đoàn (1,03% vốn) gửi yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ tới ban lãnh đạo Ocean Group. Lý do nhóm cổ đông muốn tổ chức họp bất thường vì cho rằng HĐQT đã vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý liên quan đến bán 20 triệu cổ phiếu OCH.

Theo nhóm cổ đông, việc bán 10% vốn Ocean Hospitality sẽ làm giảm tỷ lệ sở hữu của Ocean Group xuống 49,85%, không được hợp nhất BCTC khiến tổng tài sản và doanh thu giảm. HĐQT không đưa ra thông tin rõ ràng và chính xác về khoản nợ phải thanh toán và kế hoạch sử dụng tiền thu được từ bán cổ phần Ocean Hospitality.

Trước yêu cầu này của nhóm cổ đông, HĐQT không tiến hành, song Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đã thông qua triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 với ngày chốt danh sách 29/1 và dự kiến tổ chức vào ngày 8/3. Địa điểm tổ chức họp là phòng chiếu phim, rạp Fafim, 19 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội. Nếu Đại hội đồng cổ đông lần 1 không thành công thì cuộc họp được tổ chức lần 2 vào 29/4 và lần 3 vào 7/6.

Đạm Cà Mau báo lãi năm 2020 tăng 55%

Phân bón Dầu khí Cà Mau (Đạm Cà Mau, HoSE: DCM) vừa công bố báo cáo tài chính quý IV/2020 với doanh thu thuần tăng 8% lên 2.268 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp cao gấp rưỡi cùng kỳ đạt 446 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp cải thiện lên gần 20%.

Trong kỳ doanh nghiệp tiết giảm được các chi phí tài chính và bán hàng, doanh thu tài chính tăng; tuy nhiên chi phí quản lý cũng tăng mạnh 142%. Với diễn biến đó, Đạm Cà Mau báo lãi ròng hơn 210 tỷ đồng, tăng 78% so với cùng kỳ.

Tính chung cả năm 2020, công ty ghi nhận doanh thu thuần tăng 7% lên 7.563 tỷ đồng. Lợi nhuận thuần sau thuế đạt hơn 665 tỷ đồng, tăng 55% so với năm 2019. Thu nhập trên mỗi cổ phần đạt 1.021 đồng.

Vicostone lãi ròng 465 tỷ đồng trong quý 4/2020, cao nhất trong lịch sử

CTCP Vicostone (VCS) công bố báo cáo hợp nhất quý 4/2020 với doanh thu thuần đạt 1.660 tỷ đồng, tăng 6,1% và lợi nhuận sau thuế 464,8 tỷ đồng, tăng 19,4% so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là quý có lợi nhuận lớn nhất của Vicostone từ khi thành lập tới nay.

Lợi nhuận tích cực Vicostone đạt được trong quý 4 đến từ việc tăng trưởng doanh thu. Bên cạnh đó, doanh thu tài chính cũng tăng 158% lên 17,13 tỷ đồng (chủ yếu đến từ lãi chênh lệch tỷ giá). Trong khi đó, chi phí tài chính tiết giảm 25% xuống 17,6 tỷ đồng, chi phí quản lý không thay đổi nhiều so với năm trước.

Lũy kế năm 2020, Vicostone đạt doanh thu thuần 5.660 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,7%, trong khi Lợi nhuận trước thuế đạt 1.668 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.428 tỷ đồng, tăng 1,3% so với năm trước. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) năm 2020 đạt 8.251 đồng.

Đạm Phú Mỹ (DPM) báo lãi 703 tỷ đồng năm 2020, tăng 81% so với cùng kỳ

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (mã chứng khoán DPM) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 4/2020 với doanh thu và lợi nhuận đều giảm sút so với cùng kỳ.

Cụ thể, tính riêng quý 4, doanh thu thuần đạt 1.930 tỷ đồng, giảm 15,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Kết quả, quý 4 Đạm Phú Mỹ báo lãi trước thuế hơn 132 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 106,3 tỷ đồng, giảm hơn nửa so với số lãi 237 tỷ đồng đạt được quý 4/2019, trong đó lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt hơn 103 tỷ đồng.

Lũy kế cả năm 2020 doanh thu thuần đạt 7.762 tỷ đồng, tăng nhẹ so với doanh thu 7.683 tỷ đồng đạt được năm 2019. Chi phí giá vốn giảm, doanh thu tài chính tăng, chi phí bán hàng tăng và khoản lợi nhuận khác tăng là những nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế còn 703 tỷ đồng, tăng gần 81% so với năm 2019, và vượt đến 62% chỉ tiêu lợi nhuận được giao cho cả năm. EPS đạt 1.557 đồng.

PVTrans (PVT) lãi gần 310 tỷ đồng quý 4, tăng trưởng 32% so với cùng kỳ năm trước

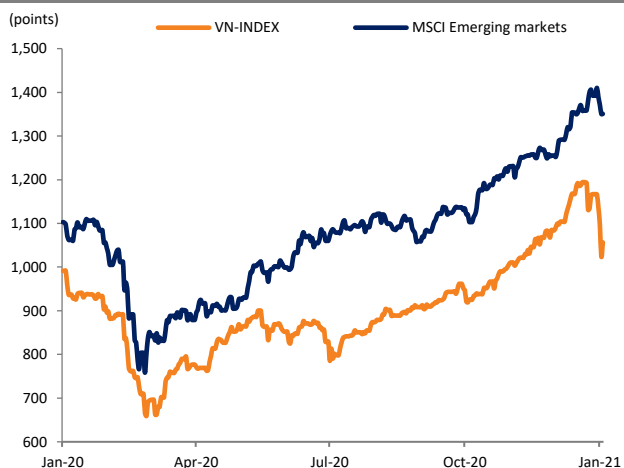
Tổng CTCP Vận tải Dầu khí (PVTrans – mã chứng khoán PVT) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 4/2020 với doanh thu đạt 2.207,8 tỷ đồng, tăng 14,2% so với quý 4 năm ngoái, trong khi đó tỷ lệ tăng chi phí vốn là 17.5% dẫn đến lợi nhuận gộp thu về đạt 332 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,4% so với cùng kỳ.

Trong quý 3 doanh thu tài chính đạt hơn 129 tỷ đồng, tăng 91,8% so với cùng kỳ, trong khi chi phí tài chính lại giảm 23,3%, xuống còn 34,2 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 14,8% về còn 75 tỷ đồng; các hoạt động khác biến động không đáng kể. Khấu trừ các khoản chi phí thuế, quý 4 PVTrans lãi sau thuế 309,9 tỷ đồng, tăng trưởng 32% so với con số 234,8 tỷ đồng đạt được quý 4 năm ngoái, trong đó lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 262,5 tỷ đồng.

Phía công ty cho biết lợi nhuận tăng mạnh trong quý 4/2020 do ghi nhận thêm thu nhập từ phí lưu tàu và hoàn nhập một số khoản dự phòng dẫn đến lợi nhuận trong kỳ tăng.

Lũy kế năm 2020, PVTrans ghi nhận doanh thu đạt 7.458,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 760,5 tỷ đồng, lần lượt giảm 3,9% và 7,3% so với kết quả đạt được trong năm 2019. Được biết, năm 2020, PVT đặt kế hoạch doanh thu là 6.200 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 433 tỷ đồng. Như vậy, năm 2020, Công ty đã hoàn thành vượt tới 20,3% kế hoạch doanh thu và 75,6% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



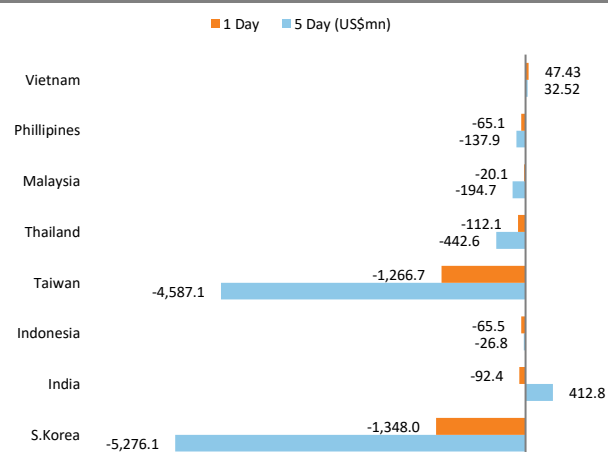
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



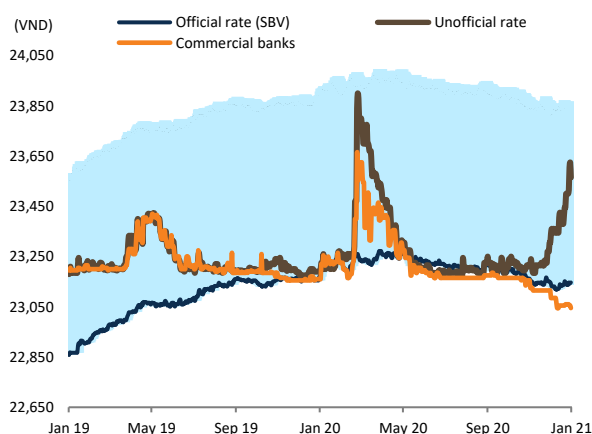
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



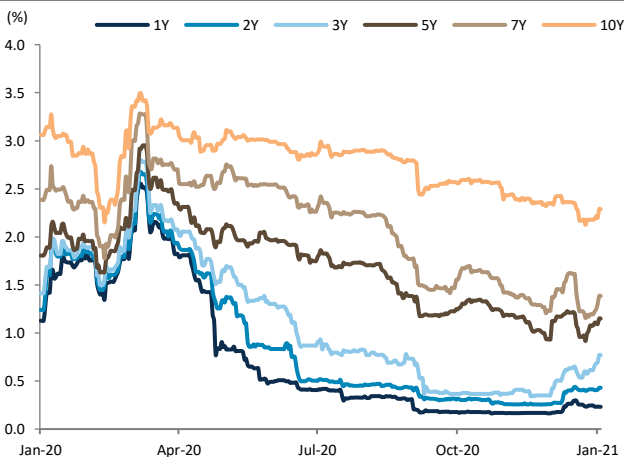
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



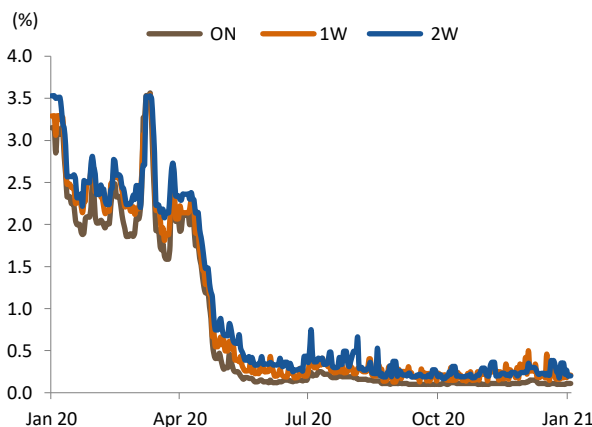
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN30 Index	VN30 Index	1,048.31	2,708,952		3.7	-9.4	-1.0	15.3	14.1	12.2	1.9	1.7	15.4	17.2	17.5	
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	39,900	160,479	17.3	3.8	-11.8	-17.5	-28.1	28.7	18.0	2.0	1.8	59.0	9.3	12.2	
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	30,500	113,564	28.6	0.5	-18.9	-10.7	19.1	12.1	9.1	1.4	1.2	33.1	12.6	14.8	
NHTMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	EIB VN	16,850	20,716	30.0	-6.9	-17.8	-10.4	-3.4	24.3	27.7	1.3	1.2	-12.3	5.3	4.4	
CTCP FPT	FPT VN	62,700	49,151	49.0	7.0	-6.3	7.0	27.6	12.3	10.4	2.7	2.5	17.9	25.4	27.1	
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	76,300	146,034	3.0	3.8	-11.9	-12.4	-19.6	18.1	15.0	3.0	2.9	20.5	16.9	22.5	
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	22,300	35,541	17.4	2.8	-14.6	-5.7	26.9	6.6	5.8	1.2	1.0	15.3	19.0	18.5	
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	39,150	129,715	31.0	4.4	-10.3	-5.9	78.6	11.3	8.9	2.4	2.0	26.1	21.1	22.1	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	31,900	17,826	37.9	0.0	-6.0	10.6	29.3	16.4	14.3	2.2	2.0	15.1	14.0	15.1	
NHTMCP Quân đội	MBB VN	23,450	65,631	23.0	4.9	-8.4	3.1	21.5	7.1	5.9	1.2	1.0	21.3	18.1	18.6	
Tập đoàn Masan	MSN VN	85,500	100,435	32.0	0.2	-8.4	2.8	60.1	92.5	38.0	3.2	3.0	143.6	3.5	9.7	
CTCP Thế giới di động	MWG VN	132,700	61,935	49.0	6.8	4.3	13.2	11.3	15.3	11.8	3.9	3.1	30.1	28.1	28.3	
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	80,200	85,329	7.0	5.8	1.5	19.5	44.8	20.8	19.9	3.0	2.6	4.6	16.1	13.5	
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	49,000	59,722	15.6	3.8	-9.8	-10.4	-14.5	56.9	18.1	2.6	2.4	213.7	4.9	15.3	
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	83,100	18,900	49.0	6.9	-1.1	5.9	-9.0	15.6	12.4	3.2	2.6	25.9	22.9	23.3	
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,900	27,868	8.3	-0.4	-17.1	-11.5	7.2	14.5	12.6	1.1	0.9	14.9	6.9	7.5	
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	51,000	15,762	49.0	5.6	-5.7	6.9	37.8	10.7	9.4	1.4	1.2	14.5	13.4	14.0	
CTCP Xây dựng FLC Faros	ROS VN	4,480	2,543	3.1	-6.9	4.7	84.4	-56.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
CTCP Bia Rượu Nước giải khát SG	SAB VN	161,700	103,695	63.1	-7.0	-16.6	-19.1	-30.5	19.8	16.8	4.4	4.0	18.2	24.7	26.1	
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	18,000	11,109	8.0	-2.2	-24.5	-14.1	-3.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	28,800	17,252	44.7	3.8	-14.7	-9.1	73.1	15.0	14.8	NA	NA	1.0	10.3	11.6	
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	16,900	30,482	9.6	5.3	-15.3	1.2	55.0	13.6	10.3	1.0	0.9	32.9	8.4	9.9	
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	32,000	112,157	22.5	2.6	-11.8	7.6	32.2	8.6	7.4	1.3	1.1	16.7	16.4	16.2	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,950	7,754	5.9	2.6	-15.3	8.9	-45.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	93,000	344,926	23.7	2.6	-9.7	-6.3	-0.4	17.5	13.8	3.0	2.6	26.9	19.3	20.7	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	93,500	307,570	22.2	7.0	-5.8	3.5	4.6	11.6	9.8	3.6	2.7	18.4	36.8	30.8	
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	99,400	336,214	14.0	6.9	-5.3	-6.7	-13.5	53.3	40.8	3.5	3.2	30.6	7.3	8.5	
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	125,800	65,899	19.0	3.4	-6.0	0.2	-14.1	NA	30.2	4.6	4.0	514.0	-4.3	14.1	
CTCP Sửa Việt Nam	VNM VN	102,800	214,816	57.7	7.0	-5.4	-5.9	1.7	21.0	18.9	7.3	6.6	11.1	38.9	39.1	
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	30,000	73,642	23.4	1.2	-17.8	-5.4	27.1	6.9	6.2	1.2	1.0	11.4	18.5	17.2	
CTCP Vincom Retail	VRE VN	32,050	72,828	31.2	0.0	-13.1	1.3	-1.7	32.1	23.2	2.5	2.4	38.6	8.1	10.6	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*	ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21
VN-Index	-110.17	3,803,187	3.2	-9.4	-3.9	6.6	16.9	14.0	2.2	2.10	20.3	13.3	16.6
Ô tô và phụ tùng	-0.08	7,632	2.0	-3.6	7.2	18.8	5.7	5.0	1.0	0.9	26.3	11.4	12.1
Ngân hàng	-40.37	1,107,616	2.7	-11.8	-5.9	7.5	14.7	11.2	1.9	1.6	22.3	16.3	17.2
Xây dựng cơ bản	-3.24	159,811	2.9	-6.1	4.9	43.2	8.8	6.0	1.7	0.5	6.9	6.7	6.4
Dịch vụ thương mại	-0.09	4,471	3.7	-6.8	-3.1	2.5	10.9	6.3	NA	NA	-3.2	7.6	12.6
May mặc và trang sức	-0.26	34,783	4.9	-2.3	13.3	54.8	12.8	11.2	2.2	1.8	2.3	16.4	17.3
Dịch vụ tiêu dùng	-0.05	7,968	2.6	-3.6	5.9	-11.7	NA	10.5	NA	NA	-26.4	NA	5.2
Dịch vụ tài chính	-3.18	57,732	2.1	-16.8	-8.5	58.2	8.1	4.4	NA	NA	NA	8.0	4.5
Năng lượng	-2.52	75,237	3.7	-11.0	-6.3	-8.1	51.7	20.4	2.2	2.0	6.8	4.7	13.0
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-15.54	519,702	1.8	-9.7	-7.4	10.9	32.1	19.9	4.6	4.1	-3.8	22.0	23.5
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.03	848	4.3	-11.8	-15.5	28.7	NA	NA	NA	NA	-47.0	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.22	9,049	2.9	-8.2	-3.5	2.6	6.5	6.3	NA	NA	50.5	10.5	15.6
Bảo hiểm	-1.77	48,416	4.2	-12.0	-15.0	-14.4	29.3	23.7	1.9	1.8	4.8	6.3	7.6
Nguyên vật liệu	-14.84	318,982	0.5	-14.2	-8.6	50.7	14.4	12.3	1.1	0.9	67.0	13.7	13.9
Giải trí và truyền thông	0.00	1,323	4.4	1.2	-8.6	14.0	17.8	13.0	1.1	1.1	NA	6.7	8.5
Dược phẩm	-0.21	33,925	4.4	-2.1	-1.5	19.1	NA	NA	0.8	0.6	35.1	NA	NA
Bất động sản	-14.96	1,005,766	5.4	-5.2	4.6	11.2	8.6	8.2	1.5	1.4	31.6	9.5	9.3
Bán lẻ	0.56	69,935	6.1	3.4	11.5	16.9	50.0	42.5	2.8	2.4	24.2	17.2	15.7
Phần mềm và dịch vụ	-1.02	52,892	6.8	-6.7	5.9	25.7	15.6	11.1	3.5	2.8	12.0	25.1	25.5
Thiết bị và phần cứng	-0.11	2,976	6.3	-11.7	-10.4	168.2	11.4	9.7	2.5	2.3	48.6	23.6	25.2
Dịch vụ viễn thông	0.06	1,265	-6.8	21.7	142.2	242.0	9.6	8.0	2.2	1.8	-90.7	22.1	23.0
Vận tải	-3.61	159,690	2.6	-7.7	-2.9	0.6	NA	NA	NA	NA	-8.9	NA	NA
Tiện ích	-7.64	229,013	3.2	-10.9	-10.0	-10.8	47.4	57.6	9.1	8.5	0.3	-16.9	-3.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
MWG VN	132,700	4.32	2,050,580	0.69
VGC VN	34,200	11.22	1,210,240	0.41
NVL VN	80,200	1.52	4,196,400	0.34
SJS VN	34,100	21.79	520,960	0.19
HPX VN	36,350	5.67	593,040	0.14
SZC VN	42,000	7.83	2,015,740	0.08
RIC VN	13,000	38.74	53,800	0.07
FLC VN	6,190	5.63	39,542,620	0.06
SGT VN	17,100	21.71	200,240	0.06
CKG VN	15,650	17.26	3,297,229	0.05

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	93,000	-9.71	1,165,540	-9.92
GVR VN	24,400	-23.99	5,887,960	-8.24
CTG VN	30,500	-18.88	10,505,500	-7.07
BID VN	39,900	-11.82	2,002,200	-5.75
SAB VN	161,700	-16.65	278,440	-5.54
GAS VN	76,300	-11.89	1,193,580	-5.27
VHM VN	93,500	-5.84	3,245,340	-5.10
VIC VN	99,400	-5.33	1,356,120	-5.07
VPB VN	30,000	-17.81	6,923,200	-4.27
TCB VN	32,000	-11.85	21,413,680	-4.03

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.